

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HC-ST
Ngày: 24-8-2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng
Bà Lò Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 20/2020/TLST-HC ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HC ngày 10/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HC ngày 30/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 139^a/2020/TB-TA ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Phạm H (tên gọi khác: Phạm Văn H), sinh năm: 1961; nơi ĐKKH thường trú: Tổ dân phố 15, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên; địa chỉ ĐKKH tạm trú: Tổ dân phố 05, phường T1, thành phố P, tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Đặng Văn C - sinh năm 1979; địa chỉ: Văn phòng luật sư P1, đoàn luật sư Hà Nội; Số 65B phố T2, phường G, quận Đ, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường L, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ1; chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức Đ1: Ông Phạm Văn S - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ1 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức Đ1: Ông Phạm Văn S - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T1, thành phố P, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Ông Phạm Quốc H2, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T1, thành phố P, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Ông Vũ Tiến H3 và bà Nguyễn Thị H4; cùng địa chỉ: Số nhà 11, tổ dân phố 5, phường T1, thành phố P, tỉnh Điện Biên (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Phạm H (Phạm Văn H) trình bày:

Gia đình ông Phạm H (Phạm Văn H) là chủ sử dụng hợp pháp của nhà, đất có diện tích 100m² tại tổ dân phố 05, phường T1, thành phố P, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc thửa đất là của ông Vũ Tiến H3, trú tại xã Thanh Luông, huyện Điện Biên. Ông H3 được Công ty N Điện Biên giao khoán theo hợp đồng số 78/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000, thời hạn giao khoán 50 năm. Sau đó, ông Vũ Tiến H3 chuyển nhượng 100m² đất (nằm trong diện tích đất nhận khoán) cho ông Phạm Quốc H2, trú tại tổ 05, phường M, thành phố P theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/10/2013. Ông H2 đã nhận đất và xây 02 gian nhà cấp bốn để ở. Ngày 22/10/2016, ông H2 chuyển nhượng lại toàn bộ nhà, đất nêu trên cho ông Phạm H. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nhưng chưa đi công chứng, chứng thực hợp đồng theo quy định của pháp luật. Do ông H2 chưa tìm được chỗ ở mới nên ông H đồng ý cho ông H2 được lưu cư đến đầu tháng 12/2016. Sau đó, gia đình ông H đã chuyển về sinh sống tại nhà, đất nhận chuyển nhượng của ông H2, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Đến năm 2019, UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên lần lượt ban hành Thông báo số 105/TB-UBND ngày 24/01/2019; Thông báo số 188/TB-UBND ngày 19/2/2019 và Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước đối với ông Phạm H.

Không đồng ý với việc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước nên ông H gửi đơn khiếu nại gửi UBND thành phố P (đơn đề ngày 18/3/2019) khiếu nại Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019.

Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số

1053/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H, có nội dung: *Giữ nguyên Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố P về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước.*

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1053/QĐ-UBND ngày 28/8/2019, Ông H đã làm đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên đề nghị giải quyết theo pháp luật nhưng đến ngày 17/02/2020 vẫn không nhận được kết quả giải quyết khiếu nại.

Vì vậy, ông Phạm H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên: hủy Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố P (sau đây gọi tắt là Thông báo số 333) về việc thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước và hủy Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1053) với lý do: Việc xác định gia đình ông H là người tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm là không chính xác, bởi lẽ khi ông H nhận chuyển nhượng thì đã có công trình xây dựng trên đất. UBND thành phố P yêu cầu gia đình ông H tự tháo dỡ công trình xây dựng tại tổ 05, phường T1, thành phố P để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án khu đô thị mới Nam T1 là không có căn cứ, không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện. Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Bản sao các quyết định hành chính bị khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: ông H yêu cầu TAND tỉnh Điện Biên hủy một phần Thông báo số 333 về việc yêu cầu ông H tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước và hủy toàn bộ Quyết định số 1053.

Tại Văn bản số 388/UBND-QLĐT ngày 18/3/2020, Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

UBND thành phố P ban hành Thông báo số 333/TB-UBND và Quyết định số 1053/QĐ-UBND là đúng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Khiếu nại, Luật Nhà ở, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

1. Đối với việc ban hành Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019: Trên cơ sở Biên bản kiểm tra số 05/BBKT-ĐLN ngày 09/01/2017 của Đoàn kiểm tra liên ngành đối với hộ ông Phạm H, xác định: Hộ gia đình ông Phạm H xây dựng công trình nhà ở không có Giấy phép xây dựng. Vậy ông H đã có hành vi vi phạm hành chính là: **Tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có Giấy phép xây dựng** mà theo quy định phải có Giấy phép, xây nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị mới Nam T1. Căn cứ vào quy định tại Điều 21 Luật Xử lý vi phạm hành chính,

Điều 15, Điều 7 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP thì Chủ tịch UBND thành phố có quyền xử phạt hành chính đối với ông Phạm H. Do thời gian Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện việc kiểm tra và lập Biên bản từ năm 2017 đến nay nên đã quá thời hiệu xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại các Điều 65, 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên căn cứ theo khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, điểm d khoản 3 Điều 3, Điều 4, Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 thì UBND thành phố P có thẩm quyền yêu cầu ông Phạm H áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là “*Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng xây dựng không có giấy phép*”.

Căn cứ vào Biên bản kiểm tra số 05/BBKT-ĐLN ngày 09/01/2017 của Đoàn kiểm tra liên ngành (ông Phạm H đã ký xác nhận vào biên bản); Ngày 24/01/2019, UBND thành phố P ban hành thông báo (lần 1) số 105/TB-UBND Ngày 24/01/2019 về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất của Nhà nước đối với ông Phạm H. Sau 15 ngày ông H không tự tháo dỡ nên UBND thành phố P ban hành thông báo (lần 2) số 188/TB-UBND. Sau 10 ngày, ông H vẫn không tiến hành tháo dỡ công trình vi phạm nên UBND thành phố P ban hành thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 là đúng về căn cứ pháp luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thể thức văn bản và quy trình xử lý về TTXD theo quy định của pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 93 Luật Nhà ở “*Chủ sở hữu nhà ở hoặc người đang quản lý sử dụng có trách nhiệm phá dỡ nhà ở*”; điểm b khoản 3 Điều 118 Luật Xây dựng: “*Tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đang sử dụng công trình thuộc diện phải phá dỡ phải chấp hành quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp không chấp hành thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ*”...

Như vậy, trường hợp ông Phạm H **tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính** đến nay, ông H đang sở hữu công trình vi phạm nên UBND thành phố ban hành Thông báo là đúng quy định.

2. Đối với việc ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 dựa trên quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, điểm d khoản 3 Điều 3, Điều 4, Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018.

Trên cơ sở Biên bản kiểm tra liên ngành và Báo cáo số 21/BC-QLĐT ngày 28/6/2019 báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; Ngày 23/8/2019 đồng chí Phạm Văn S - Phó Chủ tịch UBND thành phố đã tổ chức đối thoại với ông Phạm H; Căn cứ Điều 31 Luật Khiếu nại, ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1053 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Phạm H; ông H đã nhận Quyết định.

Việc ông Phạm H khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 333/TB-UBND và Quyết định số 1053/QĐ-UBND là không có cơ sở thực hiện, đề nghị TAND tỉnh Điện Biên bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H.

Tại Bản tự khai ngày 13/3/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến H3 trình bày:

Ngày 01/01/2000, ông H3 nhận khoán 0,2400 ha đất của Công ty N Điện

Biên để trồng cây cà phê. Nguồn gốc đất nhận khoán là do ông Phạm Ngọc L1 nhận khoán từ 01/7/1995, sau đó ông L1 chuyển nhượng cho ông H3. Việc chuyển nhượng này được sự cho phép của Công ty N (thể hiện ở hợp đồng số 78/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000 về việc giao khoán đất trồng cây cà phê lâu năm giữa Công ty N với ông H3), thời hạn giao khoán 50 năm. Khi nhận đất giao khoán từ năm 2000 đến năm 2013 ông H3 vẫn trồng cây cà phê, hàng năm nộp sản phẩm cho Công ty N theo giá trị sản lượng trên diện tích đất nhận khoán (vì công ty không bao tiêu sản phẩm). Sau đó ông H3 đã xin phép xây một ngôi nhà nhỏ, làm chuồng trại để chăn nuôi gà.

Ngày 19/10/2013, ông Vũ Tiến H3 và vợ là bà Nguyễn Thị H4 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quốc H2, diện tích đất nhận khoán cà phê là 100m², việc chuyển nhượng dựa trên cơ sở tình cảm, tạo điều kiện cho ông H2 sinh sống. Khi chuyển nhượng ông H3 cũng đã nói rõ với ông H2 là đất là để trồng cây cà phê và cho ông H2 xem Hợp đồng giao khoán số 78, tuy nhiên ông H2 vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng. Sau đó Phạm Quốc H2 xây dựng 02 gian nhà cấp bốn lợp tôn trên đất nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Tiến H3. Việc ông Phạm Quốc H2 chuyển nhượng nhà, đất cho Phạm H ông H3 không biết.

Tại biên bản làm việc ngày 31/03/2020, đại diện UBND phường T1 trình bày:

Hộ gia đình ông Phạm H, có công trình xây dựng trên đất nhận khoán của Công ty N Điện Biên (nay là Công ty Cổ phần N1 Điện Biên), thuộc đất quy hoạch dự án: Xây dựng khu đô thị mới Nam T1. Nguồn gốc đất là do ông Vũ Tiến H3 nhận đất khoán trồng cây cà phê từ Công ty N Điện Biên. Năm 2013, ông H3 chuyển nhượng lại 100m² cho ông Phạm Quốc H2. Sau đó, ông H2 san đất xây nhà rồi chuyển nhượng lại nhà, đất cho ông Phạm H vào năm 2016.

Ngày 29/12/2016, Đoàn kiểm tra liên ngành do Giám đốc Sở xây dựng Điện Biên thành lập phối hợp với UBND phường T1 kiểm tra công tác quản lý xây dựng đô thị trên địa bàn phường và lập Biên bản số 06/BBKT-ĐLN có nội dung tiến hành kiểm tra tại hiện trường công tác xây dựng đô thị với chủ hộ là ông Phạm Quốc H2 đã xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng, đề nghị gia đình tự tháo dỡ đối với các công trình vi phạm. Ông Phạm Quốc H2 không có ý kiến gì và ký xác nhận vào biên bản.

Ngày 09/01/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành tiếp tục lập Biên bản số 05/BBKT-ĐLN về công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn phường đối với hộ ông Phạm H, xác định tại thời điểm kiểm tra, hộ ông H không có giấy phép xây dựng, chủ đầu tư xây dựng cấp tỉnh (ông Phạm H đã ký xác nhận vào biên bản). Hộ ông H đã bị đoàn kiểm tra liên ngành lập biên bản về việc xây dựng công trình vi phạm, yêu cầu tháo dỡ các công trình xây dựng không có giấy phép nhưng ông H không thực hiện nên việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả từ các hành vi vi phạm trong quản lý xây dựng là cần thiết.

Quan điểm của UBND phường T1: Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Vũ Tiến H3 với ông Phạm Quốc H2, sau đó ông Phạm Quốc

H2 chuyển nhượng lại cho ông Phạm H là không hợp pháp. Ông H2 sau khi nhận chuyển nhượng đất khoán trồng cây cà phê đã tự ý san đất, xây dựng nhà kiên cố sau đó chuyển nhượng lại toàn bộ nhà, đất cho ông Phạm H là không đúng. Khi chuyển nhượng, ông H đã biết rõ nguồn gốc đất, quyền và nghĩa vụ cũng như những rủi ro khi nhận chuyển nhượng nhà đất không đúng mục đích thuê khoán ban đầu, xây dựng không trình không giấy phép nên ông H phải chấp hành các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp xử lý các vi phạm trong quản lý xây dựng. UBND phường T1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại: Tuy nhiên người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện cho rằng yêu cầu khởi kiện không có căn cứ nên giữ nguyên Thông báo và quyết định hành chính bị khiếu kiện.

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Về yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H là có căn cứ và đúng pháp luật, bởi lẽ việc ban hành Thông báo số 333 và Quyết định 1053 là không có căn cứ, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho hộ ông H, cụ thể như sau:

Về nguồn gốc thửa đất trước đây là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, tuy nhiên các thửa đất này sau đã được thay đổi quy hoạch thành đất ở đô thị nên việc sử dụng đất của người khởi kiện vào mục đích hiện trạng hiện nay là phù hợp với quy hoạch...Trong trường hợp thu hồi đất để chỉnh trang đô thị thì cũng cần phải tái định cư tại chỗ các hộ dân để đảm bảo ổn định đời sống.

Việc ông Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Thông báo việc thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước đối với hộ ông Phạm H là không đúng trình tự, thủ tục theo luật định vì: Theo quy định tại Điều 28, Điều 30, Điều 58, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì việc yêu cầu tháo dỡ công trình chỉ được thực hiện khi xác định có hành vi vi phạm hành chính và có căn cứ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, trong trường hợp này, hoàn toàn chưa có Biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng của ông Phạm H...việc ban hành Thông báo tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm không tuân thủ các quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích pháp của công dân bởi vậy việc khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một phần nội dung Thông báo số 333 đối với ông Phạm H là có căn cứ. Khi Thông báo số 333 được ban hành không hợp pháp thì Quyết định số 1053 có nội dung giữ nguyên Thông báo số 333 cũng sẽ không hợp pháp về nội dung.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; việc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đầy đủ, khách quan; việc tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo hợp lệ, đúng thời hạn; hội đồng xét xử đúng thành phần, điều khiển phiên tòa công khai, dân chủ, thực hiện tranh tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Thư ký thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn theo quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: UBND thành phố P ban hành Thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước, đối với ông Phạm H là không hợp pháp về hình thức, về trình tự thủ tục, sai về chủ thể (người vi phạm) do đó Thông báo trên là không hợp pháp. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số: 1053/QĐ-UBND, ngày 24/9/2019, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm H cũng không hợp pháp, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: hủy một phần Thông báo số 333 của UBND thành phố P và hủy toàn bộ Quyết định số 1053 của Chủ tịch UBND thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 12/3/2019, UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên ban hành Thông báo số 333/TB-UBND có nội dung: “yêu cầu các ông Phạm Quốc H2 và Phạm H phải thực hiện việc tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm (không có giấy phép xây dựng) đã xây dựng tại khu đất thuộc tổ 5, phường T1 để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án khu đô thị mới Nam T1. Thời gian thực hiện tháo dỡ: tối đa 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo ... hết thời hạn này mà các ông Phạm Quốc H2, Phạm H không thực hiện thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ...(BL91).

Ông H không nhất trí nên không thực hiện việc tháo dỡ công trình trên đất và có đơn khiếu nại Thông báo số 333 (BL104). Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1053/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên Thông báo số 333/TB-UBND ngày

12/3/2019 của UBND thành phố P về việc thực hiện tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước (BL87).

Không đồng ý với Thông báo số 333/TB-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1053/QĐ-UBND, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy cả 02 văn bản nêu trên.

Xét thấy: Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên và Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên là Quyết định hành chính và Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng nên hai văn bản này là đối tượng khởi kiện hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Ông Phạm H cho rằng Thông báo số 333/TB-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1053/QĐ-UBND là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính.

Ngày 10/3/2020, TAND tỉnh Điện Biên nhận được đơn khởi kiện của ông Phạm H. Việc khởi kiện của ông H nằm trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì vậy, TAND tỉnh Điện Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

[2.1.1] Tính hợp pháp về hình thức:

Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 được UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên ban hành căn cứ vào Biên bản số 06/BBKT-ĐLN lập ngày 29/12/2016 của Đoàn kiểm tra liên ngành lập đối với ông Phạm Quốc H2 (BL99) và Tiếp theo Thông báo (lần 1) số 105/TB-UBND ngày 24/01/2019 của UBND thành phố P (BL93).

Xét thấy: Biên bản số 06/BBKT-ĐLN lập ngày 29/12/2016 của Đoàn kiểm tra liên ngành lập đối với ông Phạm Quốc H2. Thông báo (lần 1) số 105/TB-UBND ngày 24/01/2019 đã căn cứ vào Biên bản kiểm tra số 06/BBKT-ĐLN có nội dung: Thông báo cho hộ gia đình ông Phạm Quốc H2: tự tháo dỡ công trình nhà ở, công trình phụ đã xây tại khu vực tổ 5, phường T1....; Thông báo này cũng chỉ được gửi cho ông Phạm Quốc H2 chứ không gửi cho ông Phạm H. Trên cơ sở Thông báo lần 1, do ông H không tự tháo dỡ nên UBND thành phố P ban hành thông báo (lần 2) số 188/TB-UBND yêu cầu hộ các ông Phạm Quốc H2, Phạm H phải thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm; do ông Phạm Quốc H2, Phạm H không thực hiện nên UBND thành phố P ban hành thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019.

Như vậy: căn cứ để ban hành Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 không đảm bảo (ông H không phải là chủ thể ký Biên bản Biên bản số 06/BBKT-ĐLN, không được nhận Thông báo (lần 1) số 105/TB-UBND ngày 24/01/2019 của UBND thành phố P). Bên cạnh đó, Thông báo số 333 không được soạn thảo theo biểu mẫu, quy định nào của pháp luật. Vì vậy, xét về hình thức của Thông báo số 333/TB-UBND là không có căn cứ pháp lý và không hợp pháp.

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H (lần đầu) đảm bảo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011 và điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; đúng mẫu số 15-KN ban hành kèm theo Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ nên Quyết định số 1053 được ban hành hợp pháp về hình thức.

[2.1.2] Tính hợp pháp về nội dung:

Nguồn gốc nhà và diện tích 100m² đất mà ông Phạm H đang quản lý, sử dụng tại tổ dân phố 5, phường T1, thành phố P là do nhận chuyển nhượng của ông Phạm Quốc H2. Khi nhận chuyển nhượng nhà đất, ông H đã được ông H2 giao Hợp đồng số 78/HĐK-CTCCN ngày 01/01/2000 của Công ty N Điện Biên với ông Vũ Tiến H3 và Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông H3 và ông H2.

Ngày 11/11/2016, Đội Quản lý trật tự đô thị – UBND thành phố P đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng về quản lý sử dụng đất đai, trật tự xây dựng đô thị, tại tổ 5, phường T1, thành phố P, đối với ông Phạm Văn H (BL 103). Đến ngày 29/12/2016, Đoàn kiểm tra liên ngành đã lập biên bản kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn phường T1, thành phố P số 06/BBKT-ĐLN, đối với chủ hộ là ông Phạm Quốc H2 (BL93).

Ngày 09/01/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành lập biên bản kiểm tra hồ sơ của các hộ gia đình số 05/BBKT- ĐLN, đối với đại diện hộ gia đình ông Phạm H, tổ 5, phường T1, thành phố P (BL102).

Ngày 24/01/2019, UBND thành phố P ban hành Thông báo (lần 1) số 105/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước, đối với ông Phạm Quốc H2 và ông Phạm H. Ngày 19/02/2019, UBND thành phố P ban hành Thông báo (lần 2) số 188/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước, đối với ông Phạm Quốc H2 và ông Phạm H. Ngày 12/3/2019, UBND thành phố P ban hành Thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước, đối với ông Phạm Quốc H2 và ông Phạm H. Căn cứ để UBND thành phố P ban hành 03 thông báo nêu trên là Thông báo thu hồi đất số 32/TB-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Điện Biên và Biên bản kiểm tra số 06 ngày 29/12/2016 của Đoàn kiểm tra liên ngành.

Xét thấy, UBND thành phố P căn cứ vào biên bản kiểm tra số 06/BBKT-ĐLN ngày 29/12/2016 đối với ông Phạm Quốc H2, để ban hành Thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước, đối với ông Phạm H là không đúng với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, vì:

Biên bản số 06/BBKT-ĐLN được tổ công tác lập đối với chủ thể là ông Phạm Quốc H2, tài liệu trong hồ sơ cho thấy: ông Phạm H không phải là người tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm trên đất. Việc UBND thành phố P xác định hộ ông Phạm H xây dựng công trình nhà ở không có Giấy phép xây dựng nên có Hành vi vi phạm hành chính là: Tổ chức thi công xây dựng công trình (*nhà ở riêng lẻ tại đô thị*) không có Giấy phép xây dựng là không chính xác. UBND thành phố P căn cứ vào Biên bản số 06/BBKT-ĐLN để ban hành Thông báo số 333 yêu cầu ông H thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất là sai về chủ thể (người có hành vi vi phạm) do đó về mặt nội dung của Thông báo trên là không hợp pháp.

Do Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố P không hợp pháp về nội dung nên Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm H có nội dung giữ nguyên Thông báo số 333 cũng không hợp pháp về nội dung.

[2.2] Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.

[2.2.1] Về thẩm quyền:

UBND thành phố P ban hành Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đối với Quyết định số 1053 (có nội dung giải quyết khiếu nại) do Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ ban hành cũng là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 29/12/2016, Đoàn kiểm tra liên ngành do Giám đốc Sở xây dựng Điện Biên lập ***Biên bản số 06/BBKT-ĐLN đối với chủ hộ là ông Phạm Quốc H2 đã xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng*** gồm: nhà chính, nhà bếp, khu vệ sinh, bán mái trước; đề nghị gia đình tự tháo dỡ đối với các công trình vi phạm. Ông Phạm Quốc H2 không có ý kiến gì và ký xác nhận vào biên bản.

Ngày 09/01/2017, Đoàn kiểm tra liên ngành tiếp tục lập Biên bản số 05/BBKT-ĐLN về kiểm tra hồ sơ đối với hộ ông Phạm H, xác định tại thời điểm kiểm tra, hộ ông Phạm H không có giấy phép xây dựng chủ đầu tư xây dựng công trình. Ông Phạm H đã ký xác nhận vào biên bản.

Ngày 24/01/2019, UBND thành phố P ban hành thông báo số 105/TB-UBND (Thông báo lần 1) về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất của Nhà nước đối với các ông: Phạm Quốc H2, Phạm H; ***Tuy nhiên ông H không được nhận Thông báo này.***

Sau 15 ngày ông H không tự tháo dỡ nên UBND thành phố P ban hành thông báo (lần 2) số 188/TB-UBND. Sau 10 ngày, ông H vẫn không tiến hành tháo dỡ công trình vi phạm nên UBND thành phố P ban hành thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019.

Sau khi nhận được Thông báo số 333, ngày 18/3/2019 ông H gửi đơn khiếu nại Thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019. Ngày 28/8/2019, UBND thành phố P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số 1053/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H, có nội dung giữ nguyên Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 của UBND thành phố P.

Như vậy, ông Phạm H không phải là người xây dựng các công trình không phép; Người bị lập biên bản là chủ hộ ông Phạm Quốc H2; Thông báo lần 1 không gửi cho ông Phạm H. UBND thành phố Điện Biên Phủ căn cứ vào Biên bản số 06/BBKT-ĐLN ngày 29/12/2019 và tiếp theo Thông báo lần 1 số 105/TB-UBND để ban hành Thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND đối với ông Phạm H là không hợp pháp về trình tự, thủ tục, việc ông H khởi kiện là có căn cứ.

Đối với Quyết định 1053/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định 1053/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 27, Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại; các Điều 5, Điều 7, Điều 21 Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính nên hợp pháp.

[2.3] Tính hợp pháp về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định hành chính.

Biên bản số 06/BBKT-ĐLN được Tổ công tác lập ngày 29/12/2016 đối với chủ hộ là ông Phạm Quốc H2. Đến ngày 09/01/2017, Tổ công tác lập biên bản kiểm tra hồ sơ của các hộ gia đình số 05/BBKT-ĐLN, đối với đại diện hộ gia đình ông Phạm H. Ngày 24/01/2019, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 105/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước, đối với ông Phạm Quốc H2 và ông Phạm H. Ngày 19/02/2019 UBND thành phố P ban hành Thông báo (lần 2) số 188/TB-UBND; Ngày 12/3/2019, UBND thành phố P ban hành Thông báo (lần 3) số 333/TB-UBND.

Như vậy, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 333 đã vi phạm quy định về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 5 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Đối với việc ban hành Quyết định 1053: Ngày 27/3/2019, UBND thành phố P thụ lý đơn khiếu nại của ông Phạm H. Đến ngày 28/8/2019, Chủ tịch

UBND thành phố P mới ra Quyết định số 1053/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông H là quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.4] Mối liên hệ giữa quyết định hành chính với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có liên quan:

Việc ban hành Thông báo số 333 không hợp pháp đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm H. Khi Thông báo số 333 đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người khởi kiện thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 1053 (có nội dung giữ nguyên Thông báo số 333) cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của họ.

[2.5] Vấn đề bồi thường thiệt hại và vấn đề khác: Không có.

[3] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Thông báo số 333 là không hợp pháp về hình thức; nội dung và có vi phạm về trình tự, thủ tục ban hành làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của người khởi kiện. Do đó, có cơ sở để hủy một phần Thông báo số 333 về việc yêu cầu ông Phạm H phải thực hiện việc tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm. Quyết định số 1053 giữ nguyên Thông báo số 333 như vậy cũng không hợp pháp về nội dung. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H và ý kiến của Đại diện VSKND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Buộc UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66, Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm H: Hủy một phần Thông báo số 333/TB-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc yêu cầu ông Phạm H phải thực hiện việc tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm (không có giấy phép xây dựng); Hủy toàn bộ Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H.

2. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm

Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả ông Phạm H số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2010/08254 ngày 10/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm H có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2020). UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên; bà Nguyễn Thị H1; ông Phạm Quốc H2; ông Vũ Tiến H3; bà Nguyễn Thị H4 có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Cấp cao tại HN;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- UBND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng